

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/01/2020

Về việc: “Yêu cầu ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký ghi biên bản: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 373/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc “Yêu cầu ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Thị D**, sinh năm 1980 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp Thuận Hòa, xã B Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn xin ly hôn, chị Hồ Thị D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngày 17/3/2003. Thời gian chung sống vợ chồng chị

sinh được 02 người con chung tên Nguyễn Khánh An, sinh ngày 24/3/2001 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày 19/12/2011.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong suốt thời gian chung sống, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cự cãi, bất đồng quan điểm, nguyên nhân chính là do anh B không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi.

Đến nay chị D cho rằng không thể tiếp tục kéo dài thêm cuộc sống hôn nhân này nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Khánh Duy, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn B*: Mặc dù anh B đã biết, nhận được Thông báo thụ lý vụ án và tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh B vẫn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung đơn xin ly hôn của chị D nên không có lời khai của anh B tại Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B.

2. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Văn B kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/3/2003 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D xác định không còn tình cảm gì với anh B, không thể hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng với anh B nên chị mong muốn được ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng này.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Chị D và anh B hiện tại đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong thời gian thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời các bên tham gia phiên hòa giải nhưng anh B

không đến tham dự, chứng tỏ anh B cũng không có thiện chí muốn hòa giải với chị D nên khả năng đoàn tụ gia đình giữa anh chị không có. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị D.

3. Về con chung: Chị D và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Khánh An, sinh ngày 24/3/2001 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày 19/12/2011. Trong đó cháu Nguyễn Khánh An đã trưởng thành và tự đi làm nuôi sống bản thân nên HĐXX không xem xét giải quyết. Riêng cháu Nguyễn Khánh Duy đang trong độ tuổi đi học, chị D có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Duy đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân đến nay cháu Duy sinh sống cùng với mẹ. Mặt khác, tại Bản tự khai, cháu Duy trình bày nguyện vọng của mình là muốn được tiếp tục ở với mẹ. Để đảm bảo cho cháu Duy có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn về môi trường sống, HĐXX nghị nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị D.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Hồ Thị D.

5. Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hồ Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Hồ Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày 19/12/2011 đến khi cháu Duy đủ 18 tuổi.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không có yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Hồ Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0008977 ngày 10 tháng 9 năm 2019. Chị D không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Mỹ Lâm;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc